

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **90/2026/HN-ST**

Ngày: 24/3/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tài

2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 –
Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
423/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02
năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2026/QĐST-HN ngày 12 tháng 3 năm
2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M -
Luật sư Văn phòng L - Đoàn luật sư tỉnh V.

Địa chỉ: số I ấp B, phường S, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên
đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng không có hướng khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 08/10/2022 hiện đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị Nguyễn Thị Ngọc N ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Về con chung, chị N đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 08/10/2022, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề nghị không xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Minh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh T và ông M.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N. Chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 08/10/2022. Khi ly hôn giao con chung

cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa có yêu cầu. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc N, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, ông M và anh T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Nguyễn Minh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị N cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhưng không có giải pháp khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi chị N, anh T sinh sống thì địa phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng.

Thấy rằng, mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N

và anh T là có thật, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhưng không có giải pháp khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh, chị đã có khoảng thời gian ly thân, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa để hòa giải với chị N nhưng anh T không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 08/10/2022. Hiện tại con chung đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi anh chị ly thân con chung sống với anh T có môi trường sống ổn định, khi ly hôn chị N đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con, anh T không có ý kiến trình bày về nội dung này. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần của con chung và không thay đổi về môi trường sống. Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt và không có ý kiến trình bày về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Ghi nhận chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị N trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, anh T không có lời trình bày nên không giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị N trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, anh T không có lời trình bày nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 08/10/2022 khi ly hôn giao con chung cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Minh T chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày không có và anh Nguyễn Minh T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày không có và anh Nguyễn Minh T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008754 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

Nguyễn Thị Ngọc Yến